

Số: 372 /BC-UBND

Khánh Hòa, ngày 05 tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO

Tiếp thu Báo cáo thẩm tra dự thảo Nghị quyết phân bổ, điều chỉnh vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

UBND tỉnh nhận được Báo cáo số 202/BC-BDT ngày 31/10/2024 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thẩm tra dự thảo nghị quyết phân bổ, điều chỉnh vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Trên cơ sở báo cáo của Ban Dân tộc tại Văn bản số 1132/BDT-NV ngày 04/11/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu toàn bộ ý kiến thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh và điều chỉnh dự thảo Nghị quyết như sau:

1. Về tên Nghị quyết và tiêu đề Điều 1:

- Tên Nghị quyết điều chỉnh như sau:

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh vốn sự nghiệp năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

- Tiêu đề Điều 1 điều chỉnh như sau:

“**Điều 1.** Điều chỉnh vốn sự nghiệp năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa như sau:”.

2. Hoàn thành việc điều chỉnh thứ tự cơ sở ban hành nghị quyết và điều chỉnh các phụ lục kèm theo nghị quyết phù hợp với nội dung đề nghị điều chỉnh theo ý kiến của Ban Dân tộc HĐND tỉnh.

3. Sau khi HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các sở, ngành và các địa phương liên quan chịu trách nhiệm trong việc triển khai thực hiện về nội dung đề xuất đối với các dự án được điều chỉnh vốn.

Trên đây là báo cáo tiếp thu, giải trình của UBND tỉnh, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

(Đính kèm dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh đã điều chỉnh)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Ban Dân tộc HĐND tỉnh;
- Ban Dân tộc;
- Lưu: VT, TLe, HT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Thiệu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh vốn sự nghiệp năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VII, KỲ HỌP**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1084/QĐ-BTC ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét Tờ trình số 11936/TTr-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa; Báo cáo thẩm tra số 202/BC-BDT ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2024 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh vốn sự nghiệp năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà như sau:

1. Điều chỉnh vốn sự nghiệp năm 2022 - 2023 chuyển sang năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 18.931,8 triệu đồng; trong đó:

- Ngân sách trung ương: 17.413,2 triệu đồng;
- Ngân sách tỉnh: 1.254,6 triệu đồng;
- Ngân sách huyện: 264 triệu đồng.

(Phụ lục I đính kèm).

2. Điều chỉnh vốn sự nghiệp đã phân bổ năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 2.692,4 triệu đồng; trong đó:

- Ngân sách trung ương: 2.482 triệu đồng;
- Ngân sách tỉnh: 162,4 triệu đồng;
- Ngân sách huyện: 48 triệu đồng.

(Phụ lục II đính kèm).

3. Điều chỉnh vốn sự nghiệp năm 2023 - 2024 chưa phân bổ, gồm:

- Ngân sách trung ương: 26.849 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương đối ứng 15%: 4.027 triệu đồng, trong đó:
 - + Nguồn ngân sách tỉnh: 1.538 triệu đồng;
 - + Điều chỉnh dự toán năm 2024 của các cơ quan, đơn vị: 1.281 triệu đồng;
 - + Ngân sách huyện: 1.208 triệu đồng (theo quy định tại Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 và Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 30/3/2023 của HĐND tỉnh).

(Phụ lục III đính kèm).

4. Tổng vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình năm 2024 sau điều chỉnh: 236.406 triệu đồng; trong đó:

- Ngân sách trung ương: 205.571 triệu đồng;
- Ngân sách tỉnh: 23.855 triệu đồng;
- Ngân sách huyện: 6.980 triệu đồng.

(Phụ lục IV đính kèm).

Điều 2. Các dự án, tiểu dự án, nội dung thuộc Chương trình đã được phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện 2022 - 2024 không có nội dung điều chỉnh vốn tại Nghị quyết này vẫn còn hiệu lực.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VII, kỳ họp thông qua ngày tháng 10 năm 2024, có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, Tm.

CHỦ TỊCH

Phụ lục III

ĐIỀU CHỈNH VỐN SỰ NGHIỆP NĂM 2023 - 2024 CHƯA PHÂN BỐ

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của HĐND tỉnh Khánh Hòa)

ĐVT: Triệu đồng

S T T	NỘI DUNG	NSTW 2022-2023 chưa phân bổ			Phân bổ vốn thực hiện Tiểu dự án 2 - Dự án 3					Nguyên nhân điều chỉnh giảm/tăng
		NSTW	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Tổng cộng	NSTW	NSDP	Trong đó		
								NS tỉnh	NS huyện	
	TỔNG CỘNG	26.849,0	-26.849,0	26.849,0	30.876,0	26.849,0	4.027,0	2.819,0	1.208,0	
I	Điều chỉnh NSTW 2023-2024 chưa phân bổ	26.849,0	-26.849,0							
<i>1</i>	<i>Năm 2023</i>	<i>20.139,0</i>	<i>-20.139,0</i>							Chưa có hướng dẫn, hiện đang tạm dừng thực hiện theo Công văn số 1017/UBND-DTTS ngày 21/6/2023 của Ủy ban Dân tộc
	Dự án 9 - Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế dân tộc còn nhiều khó khăn.	20.139,0	-20.139,0							
<i>2</i>	<i>Năm 2024</i>	<i>6.710,0</i>	<i>-6.710,0</i>							
	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	1.105,0	-1.105,0							Không còn đối tượng thực hiện
	Dự án 3 - Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	5.605,0	-5.605,0							Không còn đối tượng thực hiện
II	Phân bổ cho các địa phương thực hiện Tiểu dự án 2 - Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN			26.849,0	30.876,0	26.849,0	4.027,0	2.819,0	1.208,0	Tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất, sinh kế cộng đồng cho đồng bào DTTS tại các địa phương nhằm đảm bảo đạt mục tiêu tăng mức thu nhập bình quân đầu người/năm (28 triệu đồng) và giảm nghèo bền vững.
1	Huyện Khánh Vĩnh				17.061,0	14.836,0	2.225,0	1.557,0	668,0	Nguyên tắc phân bổ vốn theo quy định tại Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của HĐND tỉnh. Riêng thị xã Ninh Hoà không phân bổ vốn do không còn đối tượng thực hiện.
2	Huyện Khánh Sơn				11.559,0	10.051,0	1.508,0	1.056,0	452,0	
3	Huyện Cam Lâm				1.823,0	1.585,0	238,0	167,0	71,0	
4	Huyện Diên Khánh				433,0	377,0	56,0	39,0	17,0	

Phụ lục IV

ĐIỀU CHỈNH VỐN SỰ NGHIỆP NĂM 2024

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của HĐND tỉnh Khánh Hòa)

ĐVT: Triệu đồng

S T T	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH VỐN 2022 - 2024				Tổng vốn điều chỉnh	ĐIỀU CHỈNH TĂNG/GIẢM NGUỒN VỐN ĐÃ PHÂN BỐ 2022-2024								NGUỒN VỐN CHƯA PHÂN BỐ 2022-2024				VỐN KẾ HOẠCH 2022-2024 SAU ĐIỀU CHỈNH				
		Tổng vốn	Trong đó				Nguồn vốn 2022 - 2023 chuyển sang 2024 thực hiện				Nguồn vốn năm 2024				2022-2024				Tổng vốn	Trong đó			
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện		Tổng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Tổng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Tổng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện		Tổng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện
A	B	1	2	3	4	5=6+10+14	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
	TỔNG CỘNG	236.406,0	205.571,0	23.855,0	6.980,0	0,0													236.406,0	205.571,0	23.855,0	6.980,0	
1	Dự án 1	10.576,0	9.195,0	967,0	414,0	-2.466,9	-1.171,9	-1.128,9	-43,0		-24,0	-21,0	-2,0	-1,0	-1.271,0	-1.105,0	-116,0	-50,0	8.109,1	6.940,1	806,0	363,0	
2	Dự án 3	80.974,5	70.414,0	7.960,5	2.600,0	39.032,5	12.631,1	11.432,5	951,6	247,0	1.972,4	1.856,0	96,4	20,0	24.429,0	21.244,0	2.230,0	955,0	120.007,0	104.946,5	11.238,5	3.822,0	
	- Tiểu dự án 1	29.399,5	25.566,0	3.121,5	712,0	-11.929,1	-5.122,1	-4.963,1	-159,0		-360,0	-313,0	-33,0	-14,0	-6.447,0	-5.605,0	-589,0	-253,0	17.470,4	14.684,9	2.340,5	445,0	
	- Tiểu dự án 2	51.575,0	44.848,0	4.839,0	1.888,0	50.961,6	17.753,2	16.395,6	1.110,6	247,0	2.332,4	2.169,0	129,4	34,0	30.876,0	26.849,0	2.819,0	1.208,0	102.536,6	90.261,6	8.898,0	3.377,0	
3	Dự án 4 - Tiểu dự án 1	19.236,0	16.727,0	1.891,0	618,0	331,6	331,6	280,6	36,0	15,0									19.567,6	17.007,6	1.927,0	633,0	
4	Dự án 5	39.519,0	34.364,0	4.352,0	803,0	-4.336,8	-3.787,8	-3.172,8	-485,0	-130,0	-549,0	-477,0	-50,0	-22,0					35.182,2	30.714,2	3.817,0	651,0	
	- Tiểu dự án 1	5.619,0	4.886,0	664,0	69,0	-116,9	-116,9	-41,9	-75,0										5.502,1	4.844,1	589,0	69,0	
	- Tiểu dự án 2	4.195,0	3.648,0	547,0															4.195,0	3.648,0	547,0		
	- Tiểu dự án 3	20.046,0	17.431,0	2.153,0	462,0	-1.048,0	-1.048,0	-912,0	-95,0	-41,0									18.998,0	16.519,0	2.058,0	421,0	
	- Tiểu dự án 4	9.659,0	8.399,0	988,0	272,0	-3.171,9	-2.622,9	-2.218,9	-315,0	-89,0	-549,0	-477,0	-50,0	-22,0					6.487,1	5.703,1	623,0	161,0	
5	Dự án 6	8.907,0	7.745,0	885,0	277,0	212,4	-147,6	-120,6	-19,0	-8,0	360,0	313,0	33,0	14,0					9.119,4	7.937,4	899,0	283,0	
6	Dự án 7	9.406,0	8.180,0	1.185,5	40,5	-920,0					-920,0	-920,0							8.486,0	7.260,0	1.185,5	40,5	
7	Dự án 8	18.249,0	15.869,0	1.752,0	628,0	-2.910,5	-2.910,5	-2.611,5	-209,0	-90,0									15.338,5	13.257,5	1.543,0	538,0	
8	Dự án 9	37.843,0	32.908,0	3.496,5	1.438,5	-26.830,0	-3.672,0	-3.584,0	-65,0	-23,0					-23.158,0	-20.139,0	-2.114,0	-905,0	11.013,0	9.185,0	1.317,5	510,5	
	- Tiểu dự án 1	31.759,0	27.617,0	2.903,0	1.239,0	-26.830,0	-3.672,0	-3.584,0	-65,0	-23,0					-23.158,0	-20.139,0	-2.114,0	-905,0	4.929,0	3.894,0	724,0	311,0	
	- Tiểu dự án 2	6.084,0	5.291,0	593,5	199,5														6.084,0	5.291,0	593,5	199,5	
9	Dự án 10	11.695,5	10.169,0	1.365,5	161,0	-2.112,3	-1.272,9	-1.095,3	-166,6	-11,0	-839,4	-751,0	-77,4	-11,0					9.583,2	8.322,7	1.121,5	139,0	
	- Tiểu dự án 1	6.496,0	5.648,0	762,0	86,0														6.496,0	5.648,0	762,0	86,0	
	- Tiểu dự án 2	3.136,0	2.727,0	369,0	40,0	-1.767,0	-938,0	-795,0	-132,0	-11,0	-829,0	-742,0	-76,0	-11,0					1.369,0	1.190,0	161,0	18,0	
	- Tiểu dự án 3	2.063,5	1.794,0	234,5	35,0	-345,3	-334,9	-300,3	-34,6		-10,4	-9,0	-1,4						1.718,2	1.484,7	198,5	35,0	

S T T	NỘI DUNG	Vốn năm 2022-2023 chuyển sang năm 2024				Điều chỉnh tăng/giảm								Vốn năm 2022-2023 chuyển sang năm 2024 sau điều chỉnh			
						Điều chỉnh giảm				Điều chỉnh chuyển sang thực hiện (tăng)							
		Tổng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Tổng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Tổng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Tổng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện
*	Thị xã Ninh Hoà	147,6	120,6	19,0	8,0	-147,6	-120,6	-19,0	-8,0								
	<i>- Tổ chức tập huấn, truyền dạy văn hoá phi vật thể</i>	147,6	120,6	19,0	8,0	-147,6	-120,6	-19,0	-8,0								
6	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	3.064,8	2.765,8	209,0	90,0	-2.910,5	-2.611,5	-209,0	-90,0					154,3	154,3		
	Huyện Khánh Vĩnh	1.439,3	1.439,3			-1.285,0	-1.285,0							154,3	154,3		
	Huyện Khánh Sơn	1.625,5	1.326,5	209,0	90,0	-1.625,5	-1.326,5	-209,0	-90,0								
7	Dự án 9 - Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế dân tộc còn nhiều khó khăn	3.586,0	3.509,0	54,0	23,0	-3.586,0	-3.509,0	-54,0	-23,0								
	Huyện Khánh Sơn	3.001,0	3001			-3.001,0	-3.001,0										
	Huyện Cam Lâm	287,0	249	27	11	-287,0	-249,0	-27,0	-11,0								
	Huyện Diên Khánh	114,0	99	10	5	-114,0	-99,0	-10,0	-5,0								
	Thị xã Ninh Hoà	184,0	160	17	7	-184,0	-160,0	-17,0	-7,0								
8	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	455,3	405,9	35,0	14,4	-364,8	-325,7	-28,1	-11,0					90,5	80,2	6,9	3,4
8.1	Tiểu dự án 2: Ứng dụng CNTT hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	290,0	252,0	27,0	11,0	-290,0	-252,0	-27,0	-11,0								
	Huyện Khánh Vĩnh	290,0	252,0	27,0	11,0	-290,0	-252,0	-27,0	-11,0								
8.2	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	165,3	153,9	8,0	3,4	-74,8	-73,7	-1,1						90,5	80,2	6,9	3,4
	Huyện Khánh Vĩnh	165,3	153,9	8,0	3,4	-74,8	-73,7	-1,1						90,5	80,2	6,9	3,4

Phụ lục II

ĐIỀU CHỈNH VỐN SỰ NGHIỆP ĐÃ PHÂN BỐ NĂM 2024

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của HĐND tỉnh Khánh Hòa)

ĐVT: Triệu đồng

S T T	NỘI DUNG	Vốn năm 2024				Điều chỉnh tăng/giảm								Vốn năm 2024 sau điều chỉnh			
						Điều chỉnh giảm				Điều chỉnh chuyển sang thực hiện (tăng)							
		Tổng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Tổng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Tổng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Tổng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện
	TỔNG CỘNG	43.408,4	37.746,0	4.194,4	1.468,0	-2.692,4	-2.482,0	-162,4	-48,0	2.692,4	2.482,0	162,4	48,0	43.408,4	37.746,0	4.194,4	1.468,0
I	Điều chỉnh vốn của các sở, ban, ngành	27.360,4	23.792,0	2.728,4	840,0	-1.482,4	-1.430,0	-52,4		1.482,4	1.430,0	52,4		27.360,4	23.792,0	2.728,4	840,0
1	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	5.111,0	4.445,0	666,0		-920,0	-920,0							4.191,0	3.525,0	666,0	
	- Sở Y tế	5.111,0	4.445,0	666,0		-920,0	-920,0							4.191,0	3.525,0	666,0	
2	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	776,4	675,0	101,4		-562,4	-510,0	-52,4						214,0	165,0	49,0	
2.1	Tiểu dự án 2: Ứng dụng CNTT hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	766,0	666,0	100,0		-552,0	-501,0	-51,0						214,0	165,0	49,0	
	- Ban Dân tộc	766,0	666,0	100,0		-552,0	-501,0	-51,0						214,0	165,0	49,0	
2.2	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	10,4	9,0	1,4		-10,4	-9,0	-1,4									
	- Sở Nội vụ	5,2	4,5	0,7		-5,2	-4,5	-0,7									
	- Sở Kế hoạch và Đầu tư	5,2	4,5	0,7		-5,2	-4,5	-0,7									
3	Dự án 3 - Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN	21.473,0	18.672,0	1.961,0	840,0					1.482,4	1.430,0	52,4		22.955,4	20.102,0	2.013,4	840,0
	- Huyện Khánh Vĩnh	11.867,0	10.319,0	1.084,0	464,0					819,0	790,0	29,0		12.686,0	11.109,0	1.113,0	464,0
	- Huyện Khánh Sơn	8.039,0	6.990,0	734,0	315,0					554,4	535,0	19,4		8.593,4	7.525,0	753,4	315,0

S T T	NỘI DUNG	Vốn năm 2024				Điều chỉnh tăng/giảm								Vốn năm 2024 sau điều chỉnh			
						Điều chỉnh giảm				Điều chỉnh chuyển sang thực hiện (tăng)							
		Tổng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Tổng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Tổng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Tổng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện
	- Huyện Cam Lâm	1.266,0	1.101,0	116,0	49,0					87,0	84,0	3,0		1.353,0	1.185,0	119,0	49,0
	- Huyện Diên Khánh	301,0	262,0	27,0	12,0					22,0	21,0	1,0		323,0	283,0	28,0	12,0
II	Điều chỉnh vốn của các địa phương	16.048,0	13.954,0	1.466,0	628,0	-1.210,0	-1.052,0	-110,0	-48,0	1.210,0	1.052,0	110,0	48,0	16.048,0	13.954,0	1.466,0	628,0
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	27,0	23,0	3,0	1,0	-24,0	-21,0	-2,0	-1,0					3,0	2,0	1,0	
*	Huyện Cam Lâm	27,0	23,0	3,0	1,0	-24,0	-21,0	-2,0	-1,0					3,0	2,0	1,0	
	- Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	27,0	23,0	3,0	1,0	-24,0	-21,0	-2,0	-1,0					3,0	2,0	1,0	
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hoá theo chuỗi giá trị	13.945,0	12.126,0	1.274,0	545,0	-360,0	-313,0	-33,0	-14,0	850,0	739,0	77,0	34,0	14.435,0	12.552,0	1.318,0	565,0
2.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	360,0	313,0	33,0	14,0	-360,0	-313,0	-33,0	-14,0								
*	Thị xã Ninh Hoà	360,0	313,0	33,0	14,0	-360,0	-313,0	-33,0	-14,0								
	- Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng	360,0	313,0	33,0	14,0	-360,0	-313,0	-33,0	-14,0								
2.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN	13.585,0	11.813,0	1.241,0	531,0					850,0	739,0	77,0	34,0	14.435,0	12.552,0	1.318,0	565,0
	Huyện Khánh Vĩnh	11.867,0	10.319,0	1.084,0	464,0					466,0	405,0	42,0	19,0	12.333,0	10.724,0	1.126,0	483,0
	Huyện Cam Lâm	1.266,0	1.101,0	116,0	49,0					24,0	21,0	2,0	1,0	1.290,0	1.122,0	118,0	50,0
	Thị xã Ninh Hoà	452,0	393,0	41,0	18,0					360,0	313,0	33,0	14,0	812,0	706,0	74,0	32,0
3	Dự án 5 - Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp	1.549,0	1.347,0	141,0	61,0	-549,0	-477,0	-50,0	-22,0					1.000,0	870,0	91,0	39,0
	Huyện Khánh Vĩnh	1.549,0	1.347,0	141,0	61,0	-549,0	-477,0	-50,0	-22,0					1.000,0	870,0	91,0	39,0

S T T	NỘI DUNG	Vốn năm 2024				Điều chỉnh tăng/giảm								Vốn năm 2024 sau điều chỉnh			
						Điều chỉnh giảm				Điều chỉnh chuyển sang thực hiện (tăng)							
		Tổng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Tổng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Tổng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Tổng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện
4	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	250,0	217,0	23,0	10,0					360,0	313,0	33,0	14,0	610,0	530,0	56,0	24,0
*	Huyện Khánh Vĩnh	250,0	217,0	23,0	10,0					360,0	313,0	33,0	14,0	610,0	530,0	56,0	24,0
	- Tổ chức bảo tồn các loại hình văn hoá phi vật thể (lễ hội truyền thống)	250,0	217,0	23,0	10,0					360,0	313,0	33,0	14,0	610,0	530,0	56,0	24,0
5	Dự án 10 - Tiểu dự án 2: Ứng dụng CNTT hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	277,0	241,0	25,0	11,0	-277,0	-241,0	-25,0	-11,0								
	Huyện Khánh Vĩnh	277,0	241,0	25,0	11,0	-277,0	-241,0	-25,0	-11,0								

